

# CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG CƠ ĐIỆN LÂM NGỌC

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG CƠ ĐIỆN LÂM NGỌC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108694145

**3. Ngày thành lập:** 11/04/2019

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 26, ngõ 44, phố An Hòa, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                 | 7410     |
| 2.  | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác                                                                                                                                                                                     | 2813     |
| 3.  | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp                                                                                                                                                                                      | 2816     |
| 4.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                  | 3100     |
| 5.  | Sản xuất đồ chơi, trò chơi                                                                                                                                                                                                     | 3240     |
| 6.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh.                           | 4741     |
| 7.  | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                       | 4764     |
| 8.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Hoạt động kiến trúc; Hoạt động đo đạc và bản đồ.                                                                                                              | 7110     |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                                                                      | 4649     |
| 10. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                        | 4759     |
| 11. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ | 4784     |
| 12. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                                                                          | 9524     |
| 13. | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác                                                                                                                                                                                                  | 2393     |

|     |                                                                                                                                                         |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                  | 3311        |
| 15. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                          | 4330        |
| 16. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                          | 4520        |
| 17. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác | 4530        |
| 18. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                                     | 4610        |
| 19. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                 | 1622        |
| 20. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                   | 2392        |
| 21. | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                                                                                                   | 2824        |
| 22. | Sản xuất máy chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng                                                                      | 2829        |
| 23. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                       | 4101        |
| 24. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                 | 4102        |
| 25. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                           | 4211        |
| 26. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                            | 4212        |
| 27. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                | 4221        |
| 28. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                     | 4222        |
| 29. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                      | 4223        |
| 30. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                       | 4229        |
| 31. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                | 4291        |
| 32. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                         | 4292        |
| 33. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                   | 4293        |
| 34. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                              | 4299        |
| 35. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                   | 4321        |
| 36. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước                                     | 4322(Chính) |
| 37. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                          | 4329        |
| 38. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng                           | 4659        |
| 39. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                     | 4390        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 038084006355

Ngày cấp: 09/03/2017      Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Đạo Ninh, Xã Hoàng Đạo, Huyện Hoàng Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Đạo Ninh, Xã Hoàng Đạo, Huyện Hoàng Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 13/08/1984      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 038084006355

Ngày cấp: 09/03/2017      Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Đạo Ninh, Xã Hoàng Đạo, Huyện Hoàng Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Đạo Ninh, Xã Hoàng Đạo, Huyện Hoàng Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội